

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**  
Tel: 02803 829154; Fax: 02803 829 056  
Email: [Congtycpxmlh@yahoo.com.vn](mailto:Congtycpxmlh@yahoo.com.vn)  
Website: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn)  
Địa chỉ: Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*Năm báo cáo: Năm 2013*



*Thái Nguyên, tháng 03/2014*



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên



## MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
<b>I</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	01
1	Thông tin khái quát	01
2	Quá trình hình thành và phát triển	01
3	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	03
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	04
5	Định hướng phát triển	06
6	Các rủi ro	08
<b>II</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012</b>	09
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	09
2	Tổ chức và nhân sự	10
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	14
4	Tình hình tài chính	15
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	16
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	17
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	17
2	Tình hình tài chính	21
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	23
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	24
5	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	24
<b>IV</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	24
1	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	24
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	25
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	26
<b>V</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	28
1	Hội đồng quản trị	28
2	Ban kiểm soát	33
3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	37
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	38
1	Ý kiến kiểm toán	
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán	



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600422240
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02803.829.154
- Số fax: 02803.829.056
- Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
- Mã cổ phiếu: LHC

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

#### 2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

##### \* *Việc thành lập:*

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-BCCB-LD ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin) thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin.

- Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên.

- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMi thành Công ty cổ phần.

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số: 1703000349 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008.

- Ngày 16 tháng 06 năm 2010 bàn giao dự án “Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên” đi vào hoạt động với tổng mức đầu tư được quyết toán là: 626.755 triệu đồng.

- Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất số 4600422240 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/11/2012.

##### \* *Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:*



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

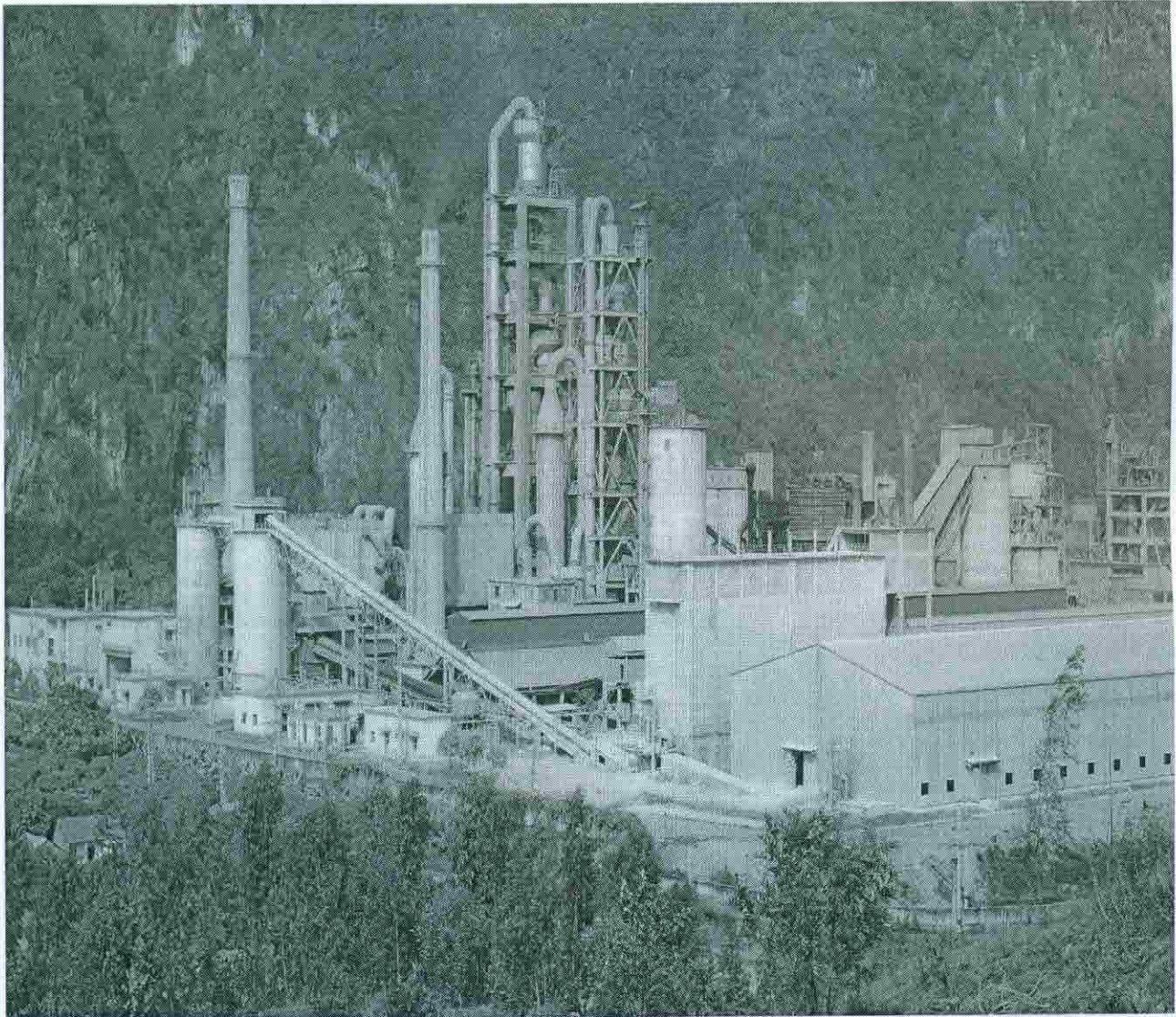
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

*\* Giới thiệu về công ty:*



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tên viết tắt: **LHC**

Tên tiếng Anh: **VVMI LA HIÊN CEMENT JOIN STOCK COMPANY**

Biểu tượng của công ty:





Trụ sở chính của công ty: Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

Mã số thuế: 4600422240

**\* Phương châm hoạt động:**

+ Luôn cam kết phần đầu, tìm hiểu kỹ khách hàng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ của mình cung ứng ra đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

+ Thường xuyên giáo dục cán bộ, công nhân viên để mọi người cùng hiểu rằng:

**“CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUYẾT ĐỊNH SỰ HƯNG THỊNH CỦA CÔNG TY”**

+ Luôn tổ chức việc giáo dục và đào tạo cho mọi cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao năng lực của mình.

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008 một cách có hiệu quả trên cơ sở tham gia của tất cả mọi người.

**2.2. Các sự kiện khác trong năm 2013.**

- Ngày 06/03/2013 Hội đồng quản trị phát hành thông báo số về việc chốt danh sách cổ đông và quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2013, bầu lại thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2 (2013-2018); Ngày chốt danh sách: 03/04/2013 và ngày đại hội: 08/04/2013.

- Ngày 29/07/2013 Hội đồng quản trị họp và ra nghị quyết số 039/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm lại các chức danh quản lý tại Công ty.

- Ngày 13/08/2013 Hội đồng quản trị họp và ra quyết định số 040/QĐ-HĐQT về việc tổ chức cơ cấu lại phân xưởng Vận hành trung tâm và phân xưởng Lò quay thành phân xưởng Lò 1 và phân xưởng Lò 2.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất xi măng, đá vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;



- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;

### **3.2. Địa bàn kinh doanh:**

- Công ty bán hàng cho trên 300 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu khu vực phía Bắc bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh ...vv và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

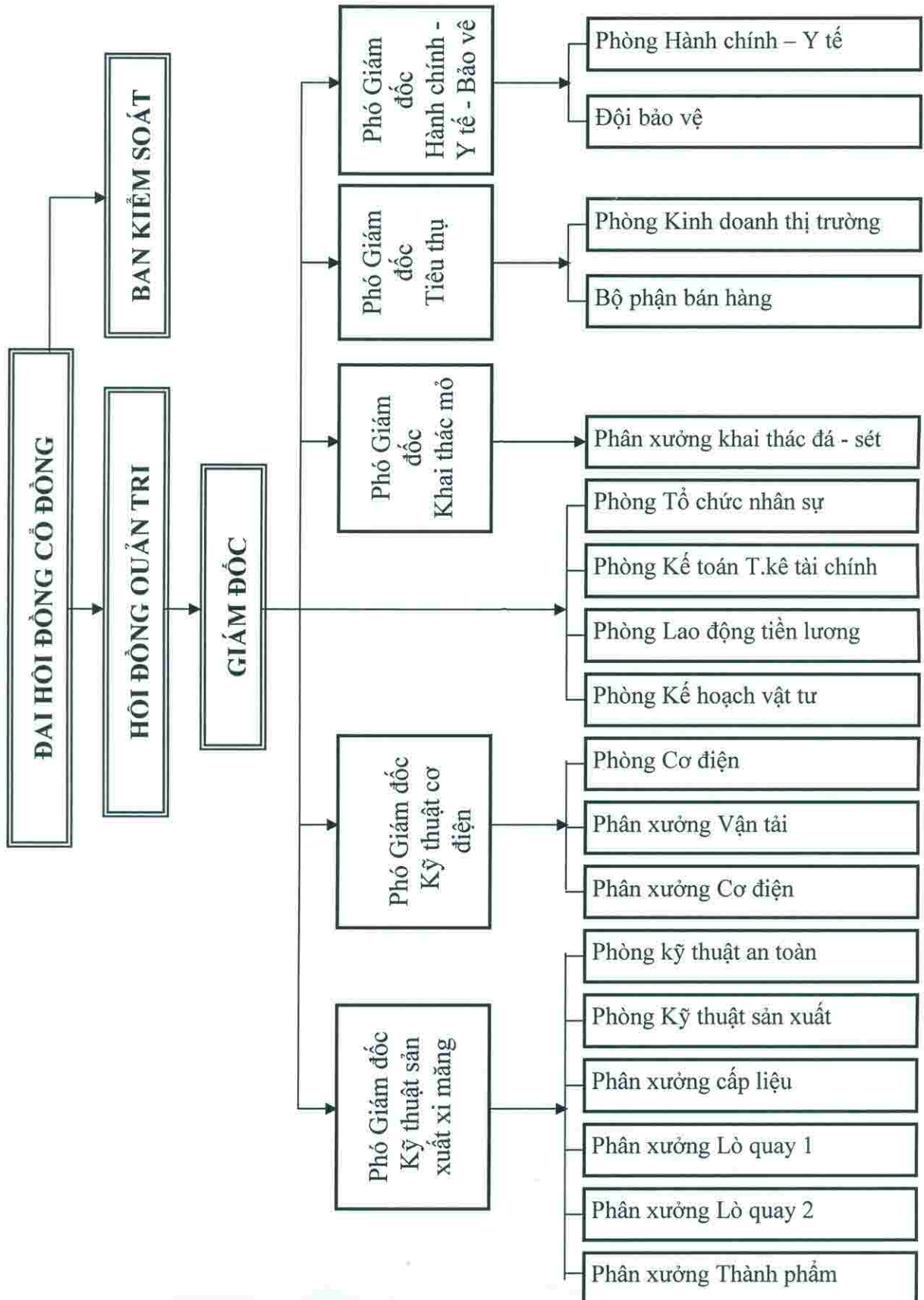
#### **4.1. Mô hình quản trị.**

- Công ty là công ty con của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty (51,383% vốn điều lệ).

- Công ty không có văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước.



#### 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.





### 4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có

### 5. Định hướng phát triển

Năm 2014 tình hình kinh tế thế giới đã có những dấu hiệu phục hồi, kinh tế nước ta đã có những chuyển biến tích cực, tăng trưởng GDP năm 2014 dự kiến đạt từ 5,6% - 5,8%. Tuy nhiên dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty.

Mục tiêu năm 2014 và các năm tiếp theo nhiệm vụ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là: Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí. Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

#### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

##### \* Chiến lược về sản phẩm và thị trường:

Sản phẩm và thị trường của Công ty đặc biệt quan trọng, nó quyết định sự tồn tại, phát triển của Công ty. Do đó việc nghiên cứu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng nhằm giữ vững củng cố thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới là nhiệm vụ hàng đầu. Để hoạt động này đáp ứng được các yêu cầu Công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.

- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định đà phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu mạnh.

- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.

- Tích cực trong quản lý thị trường, tổ chức mạng lưới tiếp thị chặt chẽ, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra các chính sách phù hợp.

##### \* Chiến lược đầu tư công nghệ:





- Áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng. Có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giảm định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực.

- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới.

- Trong năm 2014, tiếp tục có những giải pháp cải tạo công nghệ, thiết bị trong dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, điện năng để tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

**\* Chiến lược tài chính:**

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác khoán quản chi phí trong các công đoạn.

- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Chủ động công bố minh bạch thông tin để cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty.

- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

- Tích cực đưa ra các giải pháp để giảm Hệ số nợ phải trả trên Vốn chủ sở hữu; tăng hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

**\* Chiến lược nhân sự:**

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất. Xây dựng các phương án sắp xếp lao động phù hợp theo hướng giảm lao động gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ bổ xung tăng cường lao động vào dây chuyền sản xuất chính.

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ vận hành, công nhân viên chức trong toàn Công ty.

- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.



- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu. Phát huy cao tinh thần kỷ luật – đồng tâm.

## **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Công ty lựa chọn lộ trình hợp lý để triển khai thực hiện đầu tư các dự án gia công chế tạo sản phẩm tận dụng từ các nguồn vật tư, nguyên liệu của Công ty để cung cấp các sản phẩm bán ra ngoài thị trường cũng như phục vụ dây chuyền sản xuất của Công ty nhằm đa dạng hóa sản phẩm cũng như tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

- Đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực và bổ sung các thiết bị thiết yếu phục vụ sản xuất; cải thiện môi trường làm việc và đời sống tinh thần cho người lao động.

- Phân đầu phát triển mạnh thương hiệu xi măng La Hiên theo một số tiêu chí:

+ Chất lượng cao và ổn định.

+ Giá cả cạnh tranh.

+ Thị phần lớn.

- Mở rộng và cơ cấu lại thị trường, lựa chọn thị trường tiềm năng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

## **5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

### **\* Đối với môi trường:**

- Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá tác động môi trường để đưa ra các giải pháp khắc phục những ảnh hưởng xấu.

- Lắp đặt hệ thống lọc bụi tại các vị trí sản xuất cần thiết, duy trì hệ thống xử lý nước thải, chất thải đúng quy định.

- Trồng bổ sung cây xanh quanh nhà máy và các khu đất trống. Thường xuyên có xe phun, rửa nước cho cây xanh và đường giao thông trong nội bộ.

### **\* Đối với xã hội và cộng đồng:**

- Xây nhà tình nghĩa tặng các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ thiên tai hỏa hoạn.

- Thường xuyên có những đóng góp với địa phương trong công tác từ thiện, quỹ khuyến học, phong trào văn hóa thể thao và công tác xã hội khác.

## **6. Các rủi ro:**



- Nền kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục khó khăn, tăng trưởng kinh tế không cao.
- Sản phẩm dư thừa nhiều, cạnh tranh không lành mạnh giữa các công ty trong vùng (giành khách hàng, hạ giá bán dưới giá thành...)
- Giá cả vật tư, nguyên vật liệu đầu vào tăng như than, điện, xăng dầu...
- Biến động của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ (USD) tăng.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Trong năm Công ty đã rất tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, tuy nhiên Công ty không hoàn thành kế hoạch do kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, nguồn cung xi măng trong nước dư thừa đã làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Năm 2013 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo duy trì ổn định và giữ vững các vùng thị trường truyền thống, đã mở thêm một số vùng thị trường mới, lựa chọn các đối tượng khách hàng có tiềm lực kinh tế tốt. Đánh giá các đối tượng cạnh tranh để xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu hồi được công nợ sau bán hàng.

- Sử dụng nguồn vốn linh hoạt, hiệu quả tiết kiệm gần 12% chi phí tài chính theo kế hoạch đề ra.

- Duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống và việc làm cho người lao động, không để sản phẩm tồn kho lớn làm giảm chất lượng sản phẩm và ứ đọng vốn.

#### 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

\* Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đ V T	KH năm 2013	TH năm 2012	TH năm 2013	% TH KH	% TH 2013 2012
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	750.000	723.834,14	640.476,13	85,40%	88,48%
1	Xi măng	“	744.000	718.454,46	577.708,44	77,65%	80,41%



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

2	Clinker thương phẩm	“	6.000	5.379,68	62.767,69	1.046,13 %	1.166,76 %
<b>II</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	“	<b>750.000</b>	<b>724.142,14</b>	<b>640.477,13</b>	<b>85,40%</b>	<b>88,45%</b>
1	Xi măng	“	744.000	718.762,46	577.709,44	77,65%	80,38%
2	Clinker thương phẩm	“	6.000	5.379,68	62.767,69	1.046,13 %	1.166,76 %
<b>B</b>	<b>Doanh thu, Thu nhập khác</b>		<b>695.741,18</b>	<b>658.627,22</b>	<b>590.399,31</b>	<b>84,86%</b>	<b>89,64%</b>
1	Xi măng	Tr.đ	688.708,79	641.263,72	541.467,90	78,62%	84,44%
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	4.174,21	3.718,73	40.211,25	963,33%	1.081,32 %
3	Doanh thu, TN khác	Tr.đ	2.858,18	13.644,76	8.720,16	305,09%	63,91%
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tr.đ	<b>16.863,80</b>	<b>(9.962,96)</b>	<b>1.552,93</b>	<b>9,21%</b>	<b>%</b>
<b>D</b>	<b>Cổ tức</b>		<b>5%</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>100%</b>
<b>G</b>	<b>Nộp NS nhà nước</b>	Tr.đ	<b>21.641,00</b>	<b>21.706,72</b>	<b>15.233,71</b>	<b>70,39%</b>	<b>70,18%</b>
<b>E</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>						
1	Lao động bình quân	Ngư ời	876	854	810	92,47%	94,85%
2	Tiền lương bình quân	đ/ng/ th	5.200.000	4.669.679	5.163.869	99,31%	110,58%

\* Nguyên nhân chủ yếu không hoàn thành kế hoạch năm và thấp hơn năm liền kề:

- Năm 2013 trong bối cảnh kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế vĩ mô vẫn chưa ổn định, lạm phát tuy được kiềm chế nhưng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ lạm phát cao trở lại. Lãi suất tuy giảm nhưng việc tiếp cận vốn vay còn nhiều trở ngại do khó khăn trong việc xử lý nợ xấu. Tổng cầu, sức mua trên thị trường vẫn còn yếu, tổng vốn đầu tư phát triển đạt thấp.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty cũng không tránh khỏi những khó khăn đó, giá cả vật tư đầu vào có nhiều biến động do Nhà nước điều chỉnh tăng giá xăng dầu, tăng giá điện và sự tăng giá của các vật tư, nguyên vật liệu đầu vào làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh. Trong khi đó giá bán sản phẩm tăng không đáng kể do cung nhiều hơn cầu, nhu cầu tiêu dùng thấp, sản phẩm chịu sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Điều đó đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

## **2. Tổ chức và nhân sự**



## **2.1. Danh sách Ban điều hành:**

### **2.1.1 Ông Nguyễn Văn Dũng:**

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 01/10/1966

Quê quán: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.946 Ngày cấp: 30/11/1991 Nơi cấp: Công an Bắc Thái.

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,123%

### **2.1.2 Ông Nông Nhật Ba:** (Không điều hành từ ngày 25/01/2014)

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 11/02/1967

Quê quán: Xã Đại Đồng, Huyện Trảng Định, Tỉnh Lạng Sơn.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.440 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên.

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,049%

### **2.1.3 Ông Bùi Xuân Hồng:**

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 22/05/1956

Quê quán: Xã Thụy Hương, Huyện An Thụy, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.508.520 Ngày cấp: 28/04/2005 Nơi cấp: CA Thái Nguyên



Địa chỉ thường trú: Thị trấn Chùa Hang, Đồng Hỷ, Thái Nguyên.

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,271%

**2.1.4 Ông Lê Bá Chức:**

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 10/05/1965

Quê quán: Xã Xuân Hoà, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.490 Ngày cấp: 24/01/2000 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 18, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,157%

**2.1.5 Ông Nguyễn Văn Tập:**

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 20/08/1958

Quê quán: Xã Bằng Giã, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.194.906 Ngày cấp: 10/03/2005 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Phường Quan Triều, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mô

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057%

**2.1.6 Ông Vũ Ngọc Bách:**

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 10/04/1964



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Quê quán: Xã Nam Lợi, Huyện Nam Trục, Tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.594.380 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,042%

### **2.1.7 Bà Lê Thị Thu Hiền:**

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nữ

Ngày/tháng/năm sinh: 04/05/1974

Quê quán: Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.943 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 10, Phường Hoàng Văn Thụ, T.P Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.156

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,1%

### **2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:**

Theo quy định về tổ chức bộ máy quản lý trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, ngày 29/07/2013 Hội đồng quản trị họp và ra nghị quyết số 039/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm lại các chức danh quản lý tại Công ty như trên.

### **2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:**

- Tổng số cán bộ, công nhân viên trong toàn công ty tại thời điểm 31/12/2013: 769 người, trong đó:

+ Cán bộ quản lý:	62 người
+ Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ:	41 người
+ Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ:	16 người
+ Nhân viên phục vụ:	14 người
+ Công nhân lao động:	636 người

Và có các trình độ chuyên môn sau:



+ Trình độ Thạc sỹ:	01 người
+ Trình độ đại học, cao đẳng:	166 người
+ Trình độ trung cấp:	60 người
+ Công nhân kỹ thuật:	531 người
+ Lao động phổ thông:	11 người

Xác định nguồn nhân lực là nguồn quan trọng nhất, là chìa khóa của sự thành công, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên nghiệp, tận tụy và trung thành với mục tiêu phát triển của Công ty.

- Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.

- Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh. Trong năm đã ban hành quy định về trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.

- Công ty cũng có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (2 lần/năm). Trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động vv... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **3.1. Các khoản đầu tư lớn:**

##### **\* Đầu tư tài chính:**

Không

##### **\* Đầu tư dự án:**





Do trong năm tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, nền tài chính của Công ty còn eo hẹp, vì vậy Công ty chỉ thực hiện đầu tư những dự án thực sự cần thiết nên trong năm, không thực hiện đầu tư thêm dự án nào mà chỉ tiếp tục hoàn thiện dự án chuyên tiếp từ năm 2012 để đưa vào sử dụng và quyết toán: Dự án đường giao thông nội bộ giai đoạn II với giá trị quyết toán 2.353,58 triệu đồng.

### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có

### 4. Tình hình tài chính

#### 4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	738.613,89	695.424,81	94,15%
2	Doanh thu thuần	646.004,07	584.026,93	90,41%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(20.330,85)	(1.150,61)	%
4	Lợi nhuận khác	10.367,89	2.703,54	26,08%
5	Lợi nhuận trước thuế	(9.962,96)	1.552,93	%
6	Lợi nhuận sau thuế	(9.962,96)	1.552,93	%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	%

- Các chỉ tiêu khác:

Không có.

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,41	0,87	
+	Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,18	0,35	



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>			
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,87	0,86	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	6,57	6,01	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>			
+	Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	12,79	8,99	
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,87	0,84	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,02)	0,003	
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,1)	0,016	
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,01)	0,002	
+	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,03)	(0,002)	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**5.1. Cổ phần:**

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

**5.2. Cơ cấu cổ đông:**

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông lớn</i>	7.358.250	73,583%
+	<i>Cổ đông nhỏ</i>	2.641.750	26,417%



2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông tổ chức</i>	<i>5.963.300</i>	<i>59,633%</i>
+	<i>Cổ đông cá nhân</i>	<i>4.036.700</i>	<i>40,367%</i>
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông trong nước</i>	<i>10.000.000</i>	<i>100%</i>
+	<i>Cổ đông nước ngoài</i>	<i>0</i>	<i>0%</i>
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông nhà nước</i>	<i>5.138.300</i>	<i>51,383%</i>
+	<i>Cổ đông khác</i>	<i>4.861.700</i>	<i>48,617%</i>

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Không có.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Không có.

**5.5. Các chứng khoán khác:**

Không có.

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.**

Năm 2013 kinh tế thế giới đã bắt đầu có những tín hiệu tích cực, kinh tế trong nước bắt đầu có dấu hiệu đi qua vùng đáy. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 đạt khoảng 5,42% (năm 2012 đạt 5,25%), lạm phát và lãi suất giảm, tỷ giá tương đối ổn định. Đối với lĩnh vực sản xuất xi măng, mức dư thừa sản phẩm trong ngành còn cao, sản phẩm chịu sức cạnh tranh lớn.

Năm 2013 Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, ngay từ những tháng đầu năm Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện kế hoạch do những diễn biến phức tạp của thị trường tiêu thụ năm 2013, tổng cầu và sức mua giảm hơn so với năm 2011,



2012. Thương hiệu xi măng La Hiên phải cạnh tranh với nhiều thương hiệu xi măng khác có giá bán thấp đồng loạt tràn vào để chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ của Công ty, gây ra rất nhiều khó khăn trong công tác tiêu thụ sản phẩm. Giá bán sản phẩm thấp, giá cả vật tư nguyên nhiên vật liệu đầu vào luôn biến động tăng. Thực hiện 9 tháng đầu năm 2013 sản lượng tiêu thụ đạt 449.683/KH 750.000 bằng 60% và bằng 91% so với năm 2012. Quý IV tuy đã có những cố gắng vượt trội trong việc áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật trong sản xuất; nâng cao sản lượng sản xuất, tiêu thụ; giá bán trên thị trường cũng được điều chỉnh tăng nhưng cả năm 2013 cũng chỉ đạt 85,4% sản lượng tiêu thụ và 84,86% doanh thu so với kế hoạch đã thông qua tại Đại hội. Đây là các nguyên nhân chính gây ảnh hưởng lớn tới hiệu quả kinh doanh, làm giảm lãi hoạt động của Công ty và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông.

Trước những khó khăn, thách thức chung của nền kinh tế cũng như toàn ngành xi măng, Ban giám đốc nhận thấy cần phải thay đổi tư duy trong lĩnh vực điều hành, và áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật sao cho phù hợp và bước đầu đã mang lại hiệu quả nhất định.

## **1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được.**

Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức cố gắng để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty. Ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết vượt qua khó khăn phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân - cán bộ trong toàn Công ty đã tạo nên không khí thi đua sôi nổi, thúc đẩy hoàn thành công việc được giao.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2013 ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết vượt qua khó khăn gian khổ phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân- cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy công việc được giao và kết quả được thể hiện rõ nét ở các mặt chủ yếu sau:

### ***\* Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:***



Sự cạnh tranh gay gắt của xi măng La Hiên trên thị trường do nguồn cung xi măng dư thừa và tình trạng suy thoái của nền kinh tế nói chung đã làm giảm lượng cầu xi măng trên thị trường. Xi măng La Hiên phải cạnh tranh quyết liệt với các công ty xi măng khác. Một số công ty xi măng vẫn chưa có sự thống nhất trong việc quản lý thị trường và tình trạng bán xi măng không đúng vùng tiêu thụ xảy ra khá phổ biến đã là những nguyên nhân giá bán sản phẩm thấp đặc biệt là các thị trường tiêu thụ xi măng như Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hà Nội ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Công ty đã tích cực chỉ đạo việc thâm nhập thị trường để thường xuyên nắm bắt thông tin về nhu cầu của khách hàng, đưa ra các giải pháp thích hợp để tăng sản lượng xi măng bán vào các thị trường có giá bán cao. Năm 2013 thị trường tiêu thụ xi măng gặp rất nhiều khó khăn hơn năm 2012 do tổng cầu và sức mua giảm, đến 6 tháng cuối năm một số doanh nghiệp có công suất sản xuất dư thừa đã xuất khẩu được một khối lượng lớn clinker nên đã giảm áp lực lên thị trường tiêu thụ sản phẩm. Giá bán sản phẩm thực hiện 9 tháng đầu năm 2013 giảm từ 3-5% so với kế hoạch giao làm giảm doanh thu giảm hiệu quả sản xuất trên 10 tỷ đồng, đến tháng 10 Công ty đã phối hợp tốt với các đơn vị sản xuất xi măng trong và ngoài Vinacomin đã tăng được 02 lần giá bán sản phẩm góp phần tăng doanh thu năm 2013 tăng lãi hoạt động của Công ty.

Năm 2013 Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ với khách hàng, đôn đốc việc thu hồi công nợ.

**\* Công tác kỹ thuật công nghệ và điều hành sản xuất:**

Công tác kỹ thuật đã có những cố gắng lớn trong kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt Nam. Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, duy trì tỷ lệ pha phụ gia xỉ trong xi măng đạt kế hoạch giao nên thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm năm 2013 đã duy trì ổn định ở mức cao.

Năm 2013 là năm công ty đã có những bước đột phá và thành công trong công tác kỹ thuật: Đó là cải tiến máy nghiền xi măng dây chuyền 110 tấn/h đồng thời sử dụng phụ gia mới thay cho xỉ lò cao nghiền đưa vào sản xuất và đã thu được những thành công bước đầu như. Chất lượng xi măng ổn định, tăng được tỷ diện xi măng, tăng năng suất máy nghiền XM từ 10 đến 20% giảm chi phí điện năng từ 5 đến 10Kw/tấn SP, giảm chi phí sửa chữa thường xuyên thiết bị, tiết giảm chi phí trên 20.000đ/tấn sản phẩm tăng lãi hoạt động của Công ty.



**\* Công tác kế hoạch, khoán quản:**

+ Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời.

+ Công tác vật tư đã quản lý, cung ứng vật tư năm 2013 với tổng giá trị trên 346 tỷ đồng. Thủ tục mua bán vật tư thực hiện theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty, của Tổng Công ty và của Tập đoàn. Vật tư mua đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của sản xuất.

**\* Công tác quản lý kế toán, tài chính:**

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận trong Công ty theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ quy định, đơn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính. Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm đáng kể chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

**\* Công tác Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:**

Trong năm 2013 công tác tổ chức nhân sự đã chủ động cùng các đơn vị liên quan cân đối, sắp xếp lại lao động hợp lý. Năm 2013 đã lập phương án tổ chức sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy sản xuất của công ty trình HĐQT công ty phê duyệt. Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ công tác cho người lao động.

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn thỏa đáng đúng nguyên tắc, kiểm tra kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ BHXH, YT, KPCĐ cho người LĐ trong Công ty đầy đủ đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

**\* Các phân xưởng sản xuất:**

Các phân xưởng trong năm nhìn trung đã chủ động trong công việc dựa trên kế hoạch được giao và các chỉ tiêu đã giao khoán. Nhìn chung các phân xưởng sản xuất và phục vụ cơ điện đã phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong sản xuất phối hợp nhịp nhàng thực hiện nhiệm vụ được giao.

**\* Khối phục vụ:**



Đã giúp việc cho Lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho CNVC -LĐ. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho CNVC trở thành khu tập thể văn hóa.

Lực lượng bảo vệ phối hợp tốt với địa phương trong địa bàn làm công tác an ninh trật tự khu vực, giữ gìn trật tự an ninh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, thực hiện tốt công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.

**\* Công tác an toàn bảo hộ lao động:**

Công tác ATBHLĐ năm 2013 đã được lãnh đạo công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Hội đồng BHLĐ của công ty đã tham mưu tư vấn tích cực cho Công ty về công tác AT-VSLĐ. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra TNLĐ, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLĐ, bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ: Công việc này được thực hiện thường xuyên, kết hợp áp dụng qui chế thưởng phạt trong công tác AT-BHLĐ để tăng thêm hiệu quả.

**2. Tình hình tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao thực hiện theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định .

- Các khoản vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ và việc sử dụng các quỹ trong năm do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**2.1. Tình hình tài sản**

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

**\* Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2013:**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013
I	Tài sản ngắn hạn	105.296.039.102

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

II	Tài sản dài hạn	590.128.775.227
	<b>Tổng cộng</b>	<b>695.424.814.329</b>

**\* Tình hình công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2013:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013
1	Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	30.800.039.220
2	Trả trước cho người bán	5
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	742.984.202
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(203.024.809)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>31.339.998.618</b>

Trong năm 2013 Công ty đã hoàn thiện xong dự án Đường giao thông nội bộ giai đoạn II với giá trị quyết toán 2.353,58 triệu đồng; chuyển các tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng sang danh mục công cụ, dụng cụ; đồng thời nhượng bán thanh lý một số tài sản đã lạc hậu và một số tài sản khác không có nhu cầu sử dụng đã hết khấu hao để thu hồi vốn với giá trị thu hồi 1.439,27 triệu đồng.

Đối với các khoản công nợ phải thu đều được đối chiếu xác nhận với khách hàng đầy đủ và đây cũng là khoản nợ luân chuyển trong thời hạn cho phép.

**2.2. Tình hình nợ phải trả****\* Dư nợ vay của Công ty tại thời điểm 31/12/2013:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013
I	Nợ ngắn hạn	120.367.574.018
II	Nợ dài hạn	475.879.057.116
	<b>Tổng cộng</b>	<b>596.246.631.114</b>

**\* Tình hình công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2013:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013
1	Phải trả người bán	178.168.411.409



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

2	Người mua trả tiền trước	238.061.545
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.053.024.505
4	Phải trả người lao động	6.429.176.092
5	Phải trả nội bộ	538.391.586
6	Các khoản phải trả khác	325.221.615
	<i>Trong đó: + Tiền cổ tức trả cho các Nhà đầu tư</i>	<i>21.673.000</i>
	<i>+ Các khoản phải trả khác</i>	<i>303.548.615</i>
7	Chi phí phải trả	2.324.903.831
8	Vay và nợ ngắn hạn	79.950.000.000
9	Vay và nợ dài hạn	326.196.538.400
10	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	22.902.151

**\* Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.**

Do Công ty có chính sách trả tiền chậm cho nhà cung cấp, nên việc công nợ phải trả luân chuyển thường xuyên do đó không có biến động lớn nào về công nợ phải trả.

**\* Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.**

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn. Đến thời điểm 31/12/2013 Công ty đang có khoản vay nợ ngoại tệ để thực hiện đầu tư cho các dự án với số tiền: 3.838.812,9USD; dư nợ vay tín dụng tương đối lớn, do vậy khi nhà nước có thay đổi tỷ giá ngoại tệ, lãi suất tiền vay lớn cũng sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Trong năm 2013 Công ty đã tổ chức sắp xếp, cơ cấu hợp lý hóa lao động trong toàn Công ty, tính đến thời điểm 31/12/2013 đã giảm số lao động so với thời điểm 31/12/2012 là 70 người. Sắp xếp, tổ chức lại Phân xưởng lò quay và Phân xưởng vận hành trung tâm thành 02 Phân xưởng lò quay 1 và lò quay 2, cơ cấu chuyển đội sửa chữa xe về phân xưởng Cơ Điện để nâng cao hiệu quả, hiệu lực tổ chức sản xuất.

Ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ tiền lương trong đó: Đã áp dụng trả lương cho NLĐ quản lý, phục vụ gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Ban hành Quy định nhiệm vụ cụ thể cho công nhân vận hành thực hiện



các nội dung công việc chăm sóc, bảo dưỡng thiết bị, vệ sinh nơi làm việc đã được tính trong đơn giá tiền lương. Ban hành quy định cơ chế trả lương cho các phân xưởng vận hành khi để xảy ra sự cố thiết bị hoặc sự cố về công nghệ.

Ban hành quy định trả lương khuyến khích nhằm khích lệ, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Tiếp tục quảng bá thương hiệu sản phẩm với nhiều hình thức như mở hội nghị khách hàng, biển quảng cáo tầm lớn tại các tuyến đường có nhiều người qua lại, phát quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, in tờ rơi và tích cực tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại của các tỉnh và khu vực tổ chức.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tạo điều kiện cho các Cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh, gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

#### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Không có

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**



Hội đồng quản trị giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các nghị quyết. Trong năm 2013 Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy năm 2013 Công ty không đạt kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, chỉ tiêu lợi nhuận mà đại hội đồng cổ đông đề ra, nhưng Ban điều hành đã tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn khách quan, sát sao trong điều hành sản xuất, tìm nhiều giải pháp áp dụng để tiết kiệm chi phí đã cho được kết quả bước đầu khả quan tăng được năng suất, tăng chất lượng sản phẩm. Tạo được mặt bằng giá bán sản phẩm mới có thể bù đắp chi phí và có lợi nhuận từ quý 4 năm 2013 và năm kế hoạch 2014.

Năm 2013 nhận thức rõ được những khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao cho như: Môi trường kinh doanh của công ty ngày càng cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp, sản phẩm xi măng trên thị trường dư thừa nhiều do cung nhiều hơn cầu, thị trường bất động sản chưa hồi phục, chi phí đầu vào cho sản xuất tăng, điều đó đã làm ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận của Công ty. Thiết bị sản xuất xi măng sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều, năng suất và thời gian huy động thiết bị chưa cao. Số lượng lao động lớn, chỉ số giá tiêu dùng tăng cao đã làm cho đời sống công nhân viên chức lao động gặp nhiều khó khăn đó là những áp lực rất lớn trong năm 2013 đối với tập thể lãnh đạo và toàn thể công nhân viên chức của công ty.

Trong bối cảnh kinh tế đầy khó khăn và thử thách này, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết sách có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển và ổn định của Công ty.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban đầu tuần để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD để đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Mặc dù không đạt kế hoạch SXKD nhưng vẫn giữ được thị trường tiêu thụ, giữ được khách hàng truyền thống.



- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2014 dự báo tiếp tục vẫn là năm đầy khó khăn và thử thách đối với doanh nghiệp Việt Nam. Bắt nguồn từ những khó khăn của thị trường trong năm 2013 và các năm trước đây, trong năm 2014 thị trường bất động sản vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục, nguồn cung xi măng trên thị trường vẫn dư thừa nhiều - thị trường tiêu thụ sản phẩm tiếp tục gặp nhiều khó khăn, dây chuyền sản xuất ngày một xuống cấp.

Đánh giá được những khó khăn trên HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2014 như sau:

#### **\* Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2014**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>			
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>700.000</b>	
1	Xi măng	“	610.000	
2	Clinker thương phẩm	“	90.000	
<b>II</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	“	<b>700.000</b>	
1	Xi măng	“	610.000	
2	Clinker thương phẩm	“	90.000	
<b>B</b>	<b>Doanh thu, Thu nhập khác</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>645.894,87</b>	
1	Xi măng	Tr.đ	587.440,32	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	58.454,55	
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>9.103,23</b>	
<b>D</b>	<b>Cổ tức</b>		<b>6.000</b>	
<b>G</b>	<b>Nộp NS nhà nước</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>21.261</b>	
<b>E</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>			
1	Lao động bình quân	Người	741	



2	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	5.654.906
---	--------------------	---------	-----------

**\* Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu của công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2014: Tổng giá trị đầu tư ước tính: 22.729 triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như: Dự án mỏ đá vôi Đồng Chuông, máy biến áp 400 KVA, kho chứa nguyên vật liệu, xi, thạch cao.

**\* Công tác sản xuất kinh doanh:**

- Công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh giúp Công ty đề ra các chính sách phù hợp để giữ thị trường. Tích cực trong quản lý thị trường, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng với mục tiêu điều hành sản xuất đủ clinker nghiền phục vụ sản lượng tiêu thụ 700.000 tấn.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Bổ xung hoàn chỉnh đầy đủ các quy trình vận hành, quy trình bảo dưỡng thiết bị. Tăng cường kiểm tra vệ sinh thiết bị. Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa hợp lý, chuẩn bị tốt nhân lực vật tư để tổ chức bảo dưỡng thiết bị, dây chuyền có kế hoạch cụ thể tăng thời gian huy động của một số thiết bị chủ yếu như lò quay, máy nghiền than, máy nghiền liệu sống, máy nghiền xi măng, công đoạn gia công đá vôi.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ sản xuất kinh doanh đặc biệt là công tác quản lý kỹ thuật, cơ điện, đầu tư xây dựng, khoán và quản trị chi phí, tài chính, kế toán và lao động tiền lương, vật tư, thực hiện theo đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của Tập Đoàn TKV và của Tổng Công ty.

- Tăng cường công tác khoán quản chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thông qua các giải pháp mạnh. Xiết chặt việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật



như định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, nhiên liệu, điện năng theo hướng giảm định mức tiết giảm chi phí 0,5%. Khoản tiền lương cho các khối sản xuất.

- Xây dựng cơ chế phù hợp triển khai mô hình khoán giá thành công đoạn sản xuất các phân xưởng Cấp liệu, lò quay, Thành Phẩm, Khai thác đá nhằm nâng cao tính tự chủ sáng tạo trong quản lý điều hành sản xuất tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Tiếp tục nâng cao và hoàn thiện đội ngũ cán bộ quản lý đặc biệt là quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất ở các phân xưởng đủ sức đảm đương nhiệm vụ được giao. Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận trong công ty: để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty được nhịp nhàng, hiệu quả.

- Thực hiện và đảm bảo công tác kỹ thuật an toàn, BHLĐ trong SX, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các qui trình, qui phạm, nội qui an toàn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng qui định của Tập đoàn CN than và khoáng sản Việt nam và Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc Vinacomin về công tác AT-BHLĐ, tránh để xảy ra các sự cố và tai nạn đáng tiếc.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật cơ điện, công tác sáng kiến cải tiến, quản lý tốt chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa tài sản cấp trung đại tu. Duy trì tốt và thực hiện có hiệu quả hệ thống QLCL ISO 9001: 2008.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
-----	-----------	---------	---------	---------

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

1	Ô. Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	0,030%	Thành viên không điều hành
2	Ô. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty	0,123%	
3	Ô. Nông Nhật Ba	Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc Công ty	0,049%	Không còn điều hành từ ngày 25/01/2014
4	Ô. Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên HĐQT	0,066%	Thành viên không điều hành
5	Ô. Trần Việt Cường	Ủy viên HĐQT	0,035%	Thành viên không điều hành

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Không có

**1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế quản lý cần có sự thống nhất của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp các vấn đề trên đã thảo luận đến 03 lần không đạt được thống nhất (100%) thì biểu quyết theo đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng và các cá nhân trong toàn Công ty.

Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

S TT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
01	31/01/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Điều chỉnh quỹ lương và đơn giá tiền lương năm 2012. 2. Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp thiết bị, vật tư chính gầu xích chuyển Clinker SBDF 630x105.6m thuộc dự toán trung đại tu thiết bị dây chuyền sản xuất xi măng lò quay.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
02	31/01/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hạng mục công trình: 1. Máy cắt Plasma và máy phân tích rung động và cân bằng động thuộc dự án đầu tư thiết bị phục vụ sửa chữa công ty CP XMLH 2. Máy in phun ký mã hiệu trên vỏ bao xi măng	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
03	31/01/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý IV năm 2012 2. Phê duyệt giao kế hoạch SXKD quý I/2013.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
04	12/04/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Bầu ông Ngô Ngọc Sơn giữ chức chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ (2013-2018) 2. Bỏ nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng giữ chức Giám đốc Công ty nhiệm kỳ (2013-2018)	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

05	16/04/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Thống nhất kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I năm 2013 2. Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2013	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
06	24/04/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc phê duyệt và ban hành quy chế phân cấp quản lý công tác AT-VSLD	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
07	08/05/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Thống nhất phương án vay vốn tại các ngân hàng phục vụ SXKD năm 2013. 2. Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Dũng Giám đốc Công ty thực hiện ký các văn bản có liên quan đến phương án vay vốn phục vụ SXKD năm 2013.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
08	17/05/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc phê duyệt “Quy chế thi đua khen thưởng”	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
09	07/06/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Phê duyệt và ban hành “Quy chế quản lý lao động, tiền lương” 2. Phê duyệt thanh, xử lý TSCĐ hết khấu hao không có nhu cầu sử dụng.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
10	29/07/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý II năm 2013. Giao kế hoạch SXKD quý III năm 2013. Tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý của công ty. 2. Phê duyệt dự toán thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ thiết bị điện năm 2013.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
11	29/07/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc bổ nhiệm lại chức danh điều hành Công ty, cơ cấu sắp xếp lại phân xưởng sản xuất.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

12	12/09/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc phê duyệt gói thầu: Cung cấp thiết bị, hướng dẫn lắp đặt, hướng dẫn công nghệ vôi đốt năm kênh lò quay xi măng 3,5x52m công ty CP xi măng La Hiên	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
13	11/10/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý III năm 2013. 2. Giao kế hoạch SXKD quý IV năm 2013 cho công ty CP xi măng La Hiên – VVMI	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
14	19/10/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc phê duyệt thanh lý TSCĐ hết khấu hao không có nhu cầu sử dụng	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
15	31/10/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc phê duyệt quyết toán sửa chữa tài sản cố định thiết bị Gầu xích chuyển Clinker SBDF 630x105.6m	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
16	02/12/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc phê duyệt quyết toán thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện năm 2013	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
17	10/12/2013	Biên bản họp HĐQT công ty về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2013	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, mặc dù Công ty không hoàn thành kế hoạch nhưng vẫn nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý và có hiệu quả, có uy tín trên thị trường. Lực lượng lao động đáp ứng kịp thời mọi tình thế và hy vọng tương lai phát triển cao khi nền kinh tế hồi phục.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, có hiệu quả cùng với việc xây dựng định mức tiền lương hợp lý. So với thời điểm 31/12/2012 Công ty đã giảm được 8,3% số lao động.

Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh và giải quyết những khó khăn, tồn tại của Công ty.

Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, chiến lược kinh doanh. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định trong điều lệ Công ty.

#### **1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.**

Công ty có 03 thành viên HĐQT độc lập không điều hành, các thành viên này luôn thực hiện tốt vai trò trong việc giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý công ty, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và sự phân công của HĐQT.

#### **1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Không có.

#### **1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.**

- Đến thời điểm 31/12/2013 HĐQT Công ty có 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
1	Ông. Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư cơ điện mô, kỹ sư kinh tế, cử nhân luật.
2	Ông. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư khai thác, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
3	Ông. Nông Nhật Ba	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư cơ điện, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
4	Ông. Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên HĐQT	Cử nhân kinh tế, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
5	Ông. Trần Việt Cường	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư điện.

## **2. Ban Kiểm soát**



Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty.

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Bà. Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng ban	0%	
2	Ông. Lã Đại Dương	Ủy viên	0%	
3	Ông. Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên	0,028%	

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

#### a. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, do vậy mỗi thành viên trong BKS phải chủ động với nhiệm vụ được phân công, thường xuyên báo cáo, cung cấp thông tin cho trưởng BKS về hoạt động SXKD của Công ty theo từng lĩnh vực để trưởng ban xem xét tổng hợp báo cáo HĐQT.

Hợp định kỳ mỗi năm ít nhất 02 lần (06 tháng một lần) họp lần 1 sau khi kết thúc quý II, họp lần 2 sau khi kết thúc năm kế hoạch (BKS họp trước khi HĐQT Công ty họp kiểm tra tình hình thực hiện kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và năm kế hoạch). Lịch họp cụ thể do trưởng BKS triệu tập các thành viên, nội dung họp của BKS nhằm kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán thống kê và báo cáo tài chính của Công ty. Sau mỗi lần triệu tập làm việc BKS tiến hành họp kiểm điểm hoạt động nhiệm vụ kỳ trước và có kế hoạch nhiệm kỳ tiếp theo.

Ngoài chương trình làm việc định kỳ trên, trưởng BKS có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết công việc cần thiết theo yêu cầu của HĐQT, các cổ đông hoặc theo đơn thư khiếu nại của CBCNV Công ty.

Trước khi tiến hành kiểm tra, Ban kiểm soát có văn bản báo cáo HĐQT về nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra. Hoạt động của BKS không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Tham mưu cho HĐQT thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán, thảo luận về những



vấn đề khó khăn tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập tư vấn.

**b. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:**

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 2 cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Lần 1 họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của 6 tháng đầu năm 2013.

+ Lần 2 họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của năm 2013.

Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí 100%.

**c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong năm 2013 như sau:**

**\* Về công tác quản trị và điều hành Công ty:**

- Hội đồng quản trị:

+ HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

+ Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

+ Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

+ Giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013 đề ra.

+ Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước đồng thời đoàn kết với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban Điều hành:



+ Thực hiện nghiêm túc các nội dung trong nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 và thực hiện kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong điều hành SXKD.

+ Tìm mọi biện pháp hạ giá thành sản phẩm để có điều kiện cạnh tranh tiêu thụ trên thị trường cụ thể là: Duy trì tỷ lệ pha phụ gia xỉ trong xi măng đạt kế hoạch giao nên thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu được ổn định. Cải tiến máy nghiền xi măng dây chuyền 110 tấn/h đồng thời sử dụng phụ gia mới thay cho xỉ lò cao nghiền làm tăng năng suất máy nghiền, giảm chi phí điện năng. Sử dụng vòi đốt 5 kênh thay thế cho vòi đốt 4 kênh dây chuyền lò quay số 2 nâng cao được chất lượng sản phẩm clinker và sử dụng được than có nhiệt trị thấp làm giảm giá thành.

+ Trong quý IV năm 2013, Công ty đã phối hợp với các đơn vị sản xuất xi măng trên địa bàn tăng giá bán, tăng doanh thu Công ty.

Tuy nhiên năm 2013, bộ máy điều hành đã không hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên và nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng đạt 85,4%, doanh thu xi măng đạt 83,95%, lợi nhuận trước thuế đạt 9,2% so với kế hoạch.

**\* Về tình hình hoạt động tài chính kế toán của Công ty:**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2013 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên -VVMi được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính kế toán hiện tại của Công ty.

**\* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013:

**\* Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**

Qua các cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành để có những biện pháp xử lý kịp



thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

**\* Kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:**

Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2014, đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Xây dựng, sửa đổi bổ sung và ban hành mới các quy chế quản lý, quy định phù hợp với quy định của Tổng công ty và chế độ chính sách Nhà nước

- Tiếp tục hoàn thiện các giải pháp tiết kiệm chi phí nhiên liệu, điện năng, chi phí quản lý, tinh giảm bộ phận phụ trợ và bộ máy quản lý gọn nhẹ và hiệu quả.

- Phối hợp tốt với các đơn vị sản xuất xi măng trên cùng địa bàn để có lộ trình tăng giá bán xi măng, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Đào tạo bồi dưỡng cập nhật kiến thức mới cho cán bộ quản lý, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ thợ vận hành để tránh xảy ra việc vận hành không đúng quy trình gây sự cố hư hỏng thiết bị, tai nạn lao động và làm tăng chi phí khắc phục sự cố.

- Tích cực hơn nữa trong việc thu hồi công nợ, thường xuyên đối chiếu và tăng cường trách nhiệm của các cá nhân đối với các khoản công nợ phát sinh.

- Điều hành hoạt động kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu Hội đồng quản trị giao.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 08/04/2013 đã thông qua các mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

STT	Chức danh	Hệ số lương bậc 2/2 chuyên trách	Mức phụ cấp hàng tháng nhiệm hàng tháng của người hoạt động kiêm nhiệm (đồng)
-----	-----------	--	---

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

1	Chủ tịch HĐQT	6,64	6,64 x Ltt x30%
2	Ủy viên HĐQT	5,65	5,65 x Ltt x30%
3	Trưởng Ban kiểm soát	5,65	5,65 x Ltt x30%
4	Ủy viên Ban kiểm soát	5,32	5,32 x Ltt x30%

Trong năm 2013 Công ty đã chi trả tiền lương, thưởng, thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Ngô Ngọc Sơn	CT HĐQT			25.099.200	25.099.200
2	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT-GĐ	167.937.968	25.200.000	21.357.000	214.494.968
3	Nông Nhật Ba	TV HĐQT	161.391.042	24.000.000	21.357.000	206.748.042
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT	121.894.015	22.341.000	21.357.000	165.592.015
5	Trần Việt Cường	TV HĐQT	115.290.642	20.478.000	16.017.750	151.786.392
6	Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng BKS			21.357.000	21.357.000
7	Lã Đại Dương	UV BKS			20.109.600	20.109.600
8	Nguyễn Xuân Hậu	UV BKS	103.814.950	20.728.000	20.109.600	144.652.550
	<b>Tổng Cộng</b>		<b>670.328.617</b>	<b>112.747.000</b>	<b>166.764.150</b>	<b>949.839.767</b>

**3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

Không có

**3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Không có

**3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật các quy định về quản trị công ty.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Kèm theo BCTC được kiểm toán)*



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013  
(đã được kiểm toán)

M.S.D.N - 01

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05 - 30
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty tại xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	
Ông Nông Nhật Ba	Thành viên HĐQT	Không điều hành từ ngày 25/1/2014
Ông Phạm Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	
Ông Nông Nhật Ba	Phó Giám đốc	Không điều hành từ ngày 25/1/2014
Ông Lê Bá Chức	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Tập	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Ngọc Bách	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Xuân Hồng	Phó Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng ban
Ông Lê Đại Dương	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2014

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

Số: 345/2014/BC.KTTC-AASC.CNQN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI được lập ngày 12 tháng 03 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2013 được trình bày từ trang 5 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Quốc Dũng**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Kiểm toán viên



**Nguyễn Thị Hải Hương**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0367-2013-002-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>105.296.039.102</b>	<b>100.354.015.260</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.699.845.609	13.746.047.085
111 1. Tiền		8.699.845.609	13.746.047.085
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.339.998.618	25.695.737.719
131 1. Phải thu khách hàng		30.800.039.220	25.332.169.884
132 2. Trả trước cho người bán		5	47.884.172
135 5. Các khoản phải thu khác	4	742.984.202	518.708.472
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	5	(203.024.809)	(203.024.809)
140 IV. Hàng tồn kho	6	63.026.375.371	55.218.760.691
141 1. Hàng tồn kho		63.026.375.371	55.218.760.691
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		2.229.819.504	5.693.469.765
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	2.178.931.787	5.345.563.050
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	-	297.581.134
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	9	50.887.717	50.325.581
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>590.128.775.227</b>	<b>638.259.871.361</b>
220 II. Tài sản cố định		580.796.316.999	631.656.844.415
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	561.833.026.751	611.365.822.290
222 - Nguyên giá		928.966.730.382	932.665.194.831
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(367.133.703.631)	(321.299.372.541)
227 3. Tài sản cố định vô hình	11	18.298.207.480	19.018.666.194
228 - Nguyên giá		21.458.340.973	21.458.340.973
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.160.133.493)	(2.439.674.779)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	665.082.768	1.272.355.931
260 V. Tài sản dài hạn khác		9.332.458.228	6.603.026.946
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	9.198.453.303	6.482.075.360
268 3. Tài sản dài hạn khác	14	134.004.925	120.951.586
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>695.424.814.329</b>	<b>738.613.886.621</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>596.246.631.134</b>	<b>640.988.637.289</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>120.367.574.018</b>	<b>246.878.088.472</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	79.950.000.000	87.800.000.000
312	2. Phải trả người bán		28.485.892.693	151.055.940.580
313	3. Người mua trả tiền trước		238.061.545	424.883.425
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.053.024.505	91.545.252
315	5. Phải trả người lao động		6.429.176.092	4.108.710.446
316	6. Chi phí phải trả	18	2.324.903.831	183.114.657
317	7. Phải trả nội bộ	20	538.391.586	2.132.271.949
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	325.221.615	991.620.012
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		22.902.151	90.002.151
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>475.879.057.116</b>	<b>394.110.548.817</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		149.682.518.716	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	21	326.196.538.400	394.078.557.508
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	22	-	31.991.309
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>99.178.183.195</b>	<b>97.625.249.332</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>99.178.183.195</b>	<b>97.625.249.332</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		464.476.156	464.476.156
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.963.346.758	3.963.346.758
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.146.199.336	3.146.199.336
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(8.395.839.055)	(9.948.772.918)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>695.424.814.329</b>	<b>738.613.886.621</b>

HAN  
 OAI  
 C  
 TP

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý - USD		3.720.000 215,05	3.720.000 121,90

Người lập biểu



Nguyễn Anh Tuấn

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hiền

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
 Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013		Năm 2012	
			VND	VND		
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	584.026.934.391	646.004.069.816		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	584.026.934.391	646.004.069.816		
11	4. Giá vốn hàng bán	26	496.932.989.427	536.940.596.157		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		87.093.944.964	109.063.473.659		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	618.772.511	140.440.253		
22	7. Chi phí tài chính	28	41.504.207.796	63.935.595.947		
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		39.400.724.457	52.514.728.170		
24	8. Chi phí bán hàng		30.701.777.960	47.682.952.331		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		16.657.336.787	17.916.213.916		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.150.605.068)	(20.330.848.282)		
31	11. Thu nhập khác		5.753.599.012	12.482.709.414		
32	12. Chi phí khác		3.050.060.081	2.114.818.643		
40	13. Lợi nhuận khác		2.703.538.931	10.367.890.771		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.552.933.863	(9.962.957.511)		
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.552.933.863	(9.962.957.511)		

Người lập biểu



Nguyễn Anh Tuấn

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hiền

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính : VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa		(297.581.134)	16.159.048.399	(14.010.791.393)	1.850.675.872
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-			-
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt		-			-
4	Thuế xuất, nhập khẩu		-			-
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		-		-	-
6	Thuế thu nhập cá nhân		21.190.405	155.445.417	(62.876.895)	113.758.927
7	Thuế tài nguyên		40.379.490	639.383.209	(627.947.723)	51.814.976
8	Thuế nhà đất, tiền thuê đất		-	203.025.092	(203.025.092)	-
9	Thuế khác		6.900.000	9.000.000	(3.000.000)	12.900.000
10	Phí, lệ phí		23.075.357	326.865.640	(326.066.267)	23.874.730
<b>Tổng cộng</b>			<b>(206.035.882)</b>	<b>17.492.767.757</b>	<b>(15.233.707.370)</b>	<b>2.053.024.505</b>

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Anh Tuấn

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hiền

Giám đốc



  
Nguyễn Văn Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	1.552.933.863	(9.962.957.511)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định	51.368.550.760	51.838.214.656
03	- Các khoản dự phòng	-	28.005.273
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.386.205.094	62.499
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.466.265.640)	(8.111.274.506)
06	- Chi phí lãi vay	39.400.724.457	52.514.728.170
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	92.242.148.534	86.306.778.581
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(6.943.495.240)	3.137.642.502
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(7.807.614.680)	(18.391.003.822)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	32.757.793.314	88.388.494.259
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	546.566.548	(6.243.670.398)
13	- Tiền lãi vay đã trả	(39.471.644.893)	(51.399.177.672)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.100.000	
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(256.546.000)	(158.338.146)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	71.069.307.583	101.640.725.304
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(435.105.814)	(4.206.418.792)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	1.580.200.000	8.034.054.546
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27.885.574	65.819.960
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.172.979.760	3.893.455.714
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	353.736.620.000	390.866.254.032
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(430.983.381.558)	(501.802.622.950)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(41.700.000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(77.288.461.558)	(110.936.368.918)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(5.046.174.215)	(5.402.187.900)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	13.746.047.085	19.148.234.985
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(27.261)	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 8.699.845.609	13.746.047.085

Người lập biểu



Nguyễn Anh Tuấn

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hiền

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Giám đốc




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

**1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh**

Công ty hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 1703000349 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/01/2008. Thay đổi lần thứ hai số 4600422240 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/03/2013. Theo đó ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài**

Trong năm 2013, ngành xây dựng nói chung và ngành xi măng nói riêng đối mặt với nhiều khó khăn khi thị trường bất động sản chưa thể phục hồi, trong khi chi phí đầu vào sản xuất xi măng tăng. Tình hình cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp diễn ra khiến hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI là đơn vị hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin, Công ty áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được chấp thuận của Bộ Tài chính tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20 tháng 12 năm 2006.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc nhất hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7/12/2009)

TP/C  
NH  
TO  
/C

**2.6 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang và thành phẩm tồn kho: Bằng sản lượng tồn kho cuối kỳ nhân với đơn giá trong kỳ (Bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ: Sản lượng sản xuất trong kỳ)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được

**2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

Nguyên giá tối thiểu của Tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 01 năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	5 năm
- Tài sản cố định vô hình	30 năm

**2.8 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.11 . Các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**2.12 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản/tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.



**2.14 . Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

01  
TRAC  
HÂN  
AN

**2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.16 . Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.



**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	8.505.367.436	12.571.653.680
Tiền gửi ngân hàng	194.478.173	1.174.393.405
	<u><b>8.699.845.609</b></u>	<u><b>13.746.047.085</b></u>

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu của người lao động	705.543.111	460.318.581
Phải thu khác	37.441.091	58.389.891
	<u><b>742.984.202</b></u>	<u><b>518.708.472</b></u>

**5 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(203.024.809)	(203.024.809)
	<u><b>(203.024.809)</b></u>	<u><b>(203.024.809)</b></u>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.036.935.961	50.255.389.376
Công cụ, dụng cụ	239.455.416	108.134.044
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.740.450.307	4.845.450.516
Thành phẩm	9.533.687	9.786.755
	<u><b>63.026.375.371</b></u>	<u><b>55.218.760.691</b></u>

**7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lò	1.699.977.854	5.159.199.328
Bảo hiểm máy móc thiết bị	114.207.363	
Phí đường bộ, lưu hành phương tiện vận tải	150.552.038	
Chi phí quảng cáo	214.194.532	186.363.722
	<u><b>2.178.931.787</b></u>	<u><b>5.345.563.050</b></u>

## 8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	297.581.134
	<u>-</u>	<u>297.581.134</u>

## 9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	26.887.717	26.325.581
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.000.000	24.000.000
	<u>50.887.717</u>	<u>50.325.581</u>

## 10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục I

## 11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>				
Số dư đầu năm	19.826.066.535	-	1.632.274.438	21.458.340.973
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>19.826.066.535</u>	<u>-</u>	<u>1.632.274.438</u>	<u>21.458.340.973</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	807.400.341	-	1.632.274.438	2.439.674.779
Số tăng trong năm	720.458.714	-	-	720.458.714
- Khấu hao TSCĐ	720.458.714	-	-	720.458.714
Giảm trong năm	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>1.527.859.055</u>	<u>-</u>	<u>1.632.274.438</u>	<u>3.160.133.493</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	19.018.666.194	-	-	19.018.666.194
Tại ngày cuối năm	<u>18.298.207.480</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>18.298.207.480</u>

**12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>665.082.768</b>	<b>1.272.355.931</b>
- Dự án: Mỏ đá vôi Đồng Chuông	382.146.783	371.501.983
- Công trình: Đường giao thông nội bộ giai đoạn II		617.917.963
- Dự án: Trạm phát điện tận dụng nhiệt thừa	231.243.115	231.243.115
- Công trình: Kè chắn đá, đất	51.692.870	51.692.870
	<b>665.082.768</b>	<b>1.272.355.931</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.482.075.360	4.102.956.256
Số tăng trong năm	8.496.509.200	6.945.264.953
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(5.780.131.257)	(4.566.145.849)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.198.453.303</b>	<b>6.482.075.360</b>
<b>Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	VND	VND
Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	111.836.811
Chi phí đền bù GPMB để thuê đất phục vụ sản xuất	-	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.168.865.104	3.625.738.027
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	817.885.336	2.169.878.779
Chi phí trả trước dài hạn khác	211.702.863	574.621.743
	<b>9.198.453.303</b>	<b>6.482.075.360</b>

**14 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ phục hồi môi trường	134.004.925	120.951.586
	<b>134.004.925</b>	<b>120.951.586</b>

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>79.950.000.000</b>	<b>87.800.000.000</b>
Vay ngân hàng	35.950.000.000	50.800.000.000
Vay đối tượng khác	44.000.000.000	37.000.000.000
	<b>79.950.000.000</b>	<b>87.800.000.000</b>

(\*) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

**1. Ngân hàng Công thương tỉnh Thái Nguyên:**

Theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ký với Ngân hàng Công thương tỉnh Thái Nguyên, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, hạn mức vay: 60.000.000.000 đồng, lãi suất thả nổi áp dụng cho từng lần giải ngân, thời hạn vay 06 tháng, phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp, số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là: 32.400.000.000 đồng.

**2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Thái Nguyên:**

Theo hợp đồng tín dụng số 80.13.090.848.058 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Thái Nguyên, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, hạn mức vay: 20.000.000.000 đồng, lãi suất thả nổi áp dụng cho từng lần giải ngân, thời hạn vay 06 tháng, phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp, số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013: 850.000.000 đồng.

**3. Công ty TNHH MTV Tài chính Than - Khoáng sản Việt Nam:**

Theo hợp đồng tín dụng số 37/2013/VCME với Công ty TNHH MTV Tài chính Than - Khoáng sản Việt Nam, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng, lãi suất 8,5% năm, thời hạn vay 04 tháng, phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp, số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là: 27.000.000.000 đồng.

**4. Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc:**

Theo hợp đồng tín dụng số 07/HĐ-LH/2012 và Hợp đồng số 04/HĐ-LH/2013 ký với Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 6,5%/năm và 9,5% năm, thời hạn vay 06 tháng và 12 tháng, số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là: 17.000.000.000 đồng.

**5. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư Thái Nguyên**

Theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư Thái Nguyên, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 04 tháng, số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là: 2.700.000.000 đồng.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.850.675.872	-
Thuế thu nhập cá nhân	113.758.927	21.190.405
Thuế tài nguyên	51.814.976	40.379.490
Các loại thuế khác	12.900.000	6.900.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.874.730	23.075.357
	<u>2.053.024.505</u>	<u>91.545.252</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Tiền điện phải trả 7 ngày cuối năm	2.150.463.210	-
Chi phí lãi vay phải trả	88.914.221	159.834.657
Chi phí phải trả khác	85.526.400	23.280.000
	<b>2.324.903.831</b>	<b>183.114.657</b>

**19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	43.737.001	253.454.541
Cổ tức phải trả	21.673.000	63.373.000
Phải trả tiền đền bù GPMB kho mìn mỏ đá Đồng Chuông	32.802.015	372.834.285
Nguồn kinh phí Đảng, Đoàn	55.758.326	223.293.989
Các khoản phải trả khác	171.251.273	78.664.197
	<b>325.221.615</b>	<b>991.620.012</b>

**20 . PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải trả Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	538.391.586	2.132.271.949
	<b>538.391.586</b>	<b>2.132.271.949</b>

**21 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>326.196.538.400</b>	<b>394.078.557.508</b>
Vay ngân hàng	254.157.518.088	314.269.249.087
Vay đối tượng khác	72.039.020.312	79.809.308.421
	<b>326.196.538.400</b>	<b>394.078.557.508</b>

(\*) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

**1. Công ty TNHH một thành viên Tài chính Than - Khoáng sản Việt Nam**

Công ty ký hợp đồng vay với Công ty TNHH một thành viên Tài chính Than - Khoáng sản Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2008. Tại ngày 31/12/2013 có 01 hợp đồng còn số dư, chi tiết như sau:

- + Thời hạn vay 108 tháng ;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi theo từng thời điểm;
- + Tổng giá trị khoản vay: 40.000.000.000 đồng;
- + Số dư gốc tại thời điểm 31/12/2013: 15.855.708.000 đồng;

- + Mục đích vay: Đầu tư phục vụ sản xuất;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay có đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

## **2. Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - VVMI**

Công ty ký hợp đồng vay và nhận nợ thiết bị bàn giao với Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - VVMI trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2013. Tại ngày 31/12/2013 có 07 hợp đồng còn số dư, chi tiết như sau:

- + Thời hạn vay: 60 tháng ;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi theo từng thời điểm;
- + Tổng giá trị khoản vay: 79.415.047.910 đồng;
- + Số dư gốc tại thời điểm 31/12/2013: 55.183.312.312 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất và đền bù GPMB.

## **3. Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên**

Công ty ký hợp đồng vay với Ngân hàng Phát triển - CN Thái Nguyên trong khoảng thời gian năm 2008. Tại ngày 31/12/2013 có 02 hợp đồng còn số dư, chi tiết như sau:

- + Thời hạn vay: 108 tháng ;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi theo từng thời điểm;
- + Tổng giá trị khoản vay: 414.780.639.340 đồng;
- + Số dư gốc tại thời điểm 31/12/2013: 234.878.943.088 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy Xi măng La Hiên;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay có đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

## **4. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên**

Công ty ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thái Nguyên trong khoảng thời gian năm 2008. Tại ngày 31/12/2013 có 01 hợp đồng còn số dư, chi tiết như sau:

- + Thời hạn vay: 108 tháng ;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi theo từng thời điểm;
- + Tổng giá trị khoản vay: 49.017.459.839 đồng;
- + Số dư gốc tại thời điểm 31/12/2013: 15.236.850.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy Xi măng La Hiên;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay có đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

## **5. Ngân hàng TMCP Quân đội**

Công ty ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Quân đội trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2013. Tại ngày 31/12/2013 có 04 hợp đồng còn số dư, chi tiết như sau:

- + Thời hạn vay: 48 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi theo từng thời điểm;
- + Tổng giá trị khoản vay: 3.290.000.000 đồng;
- + Số dư gốc tại thời điểm 31/12/2013: 1.869.025.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư tài sản phục vụ sản xuất;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay có đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

## **6. Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên**

Công ty ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2011. Tại ngày 31/12/2013 có 07 hợp đồng còn số dư, chi tiết như sau:

- + Thời hạn vay: 48 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi theo từng thời điểm;
- + Tổng giá trị khoản vay: 13.118.000.000 đồng;

- + Số dư gốc tại thời điểm 31/12/2013: 2.172.700.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư tài sản phục vụ sản xuất;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay có đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**7. Vay Tỉnh ủy Tỉnh Thái Nguyên**

Công ty ký hợp đồng vay với Tỉnh ủy Tỉnh Thái Nguyên trong năm 2012. Tại ngày 31/12/2013 có 01 hợp đồng còn số dư, chi tiết như sau:

- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 14%/năm;
- + Tổng giá trị khoản vay: 1.000.000.000 đồng;
- + Số dư gốc tại thời điểm 31/12/2013: 1.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ sản xuất;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay có đảm bảo bằng tín chấp.

**22 . QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	31.991.309
+ Trích từ năm 2010	-	31.991.309
	<u>-</u>	<u>31.991.309</u>

**23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 2.

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.963.346.758	3.963.346.758
Quỹ dự phòng tài chính	3.146.199.336	3.146.199.336
<b>24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	581.679.143.928	644.982.458.451
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.347.790.463	1.021.611.365
	<b>584.026.934.391</b>	<b>646.004.069.816</b>
<b>25 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	581.679.143.928	644.982.458.451
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.347.790.463	1.021.611.365
	<b>584.026.934.391</b>	<b>646.004.069.816</b>
<b>26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	494.627.165.338	535.937.466.707
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.305.824.089	1.003.129.450
	<b>496.932.989.427</b>	<b>536.940.596.157</b>
<b>27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.885.574	65.819.960
Lãi ký quỹ môi trường	2.107.339	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	70.501.121	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	518.278.477	74.620.293
	<b>618.772.511</b>	<b>140.440.253</b>



**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	39.400.724.457	52.514.728.170
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	198.999.768	11.420.805.278
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.904.483.571	62.499
	<b>41.504.207.796</b>	<b>63.935.595.947</b>

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	433.806.836.447	483.160.729.810
Chi phí nhân công	61.278.307.432	56.096.241.560
Chi phí khấu hao TSCĐ	51.368.550.760	51.838.214.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.373.435.087	13.581.290.044
Chi phí khác bằng tiền	54.535.649.152	73.990.604.348
	<b>610.362.778.878</b>	<b>678.667.080.418</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.699.845.609	-	13.746.047.085	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.543.023.422	(203.024.809)	25.850.878.356	(203.024.809)
	<b>40.242.869.031</b>	<b>(203.024.809)</b>	<b>39.596.925.441</b>	<b>(203.024.809)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	406.146.538.400	481.878.557.508
Phải trả người bán, phải trả khác	178.493.633.024	152.047.560.592
Chi phí phải trả	2.324.903.831	183.114.657
	<b>586.965.075.255</b>	<b>634.109.232.757</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kê toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và tương đương tiền	8.699.845.609	-	-	8.699.845.609
Phải thu k.hàng, phải thu khác	31.543.023.422	-	-	31.543.023.422
	<b>40.242.869.031</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>40.242.869.031</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và tương đương tiền	13.746.047.085	-	-	13.746.047.085
Phải thu k.hàng, phải thu khác	25.850.878.356	-	-	25.850.878.356
	<b>39.596.925.441</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>39.596.925.441</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	79.950.000.000	326.196.538.400	-	406.146.538.400
Phải trả người bán, phải trả khác	28.811.114.308	149.682.518.716	-	178.493.633.024
Chi phí phải trả	2.324.903.831	-	-	2.324.903.831
	<b>111.086.018.139</b>	<b>475.879.057.116</b>	<b>-</b>	<b>586.965.075.255</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	87.800.000.000	394.078.557.508	-	481.878.557.508
Phải trả người bán, phải trả khác	152.047.560.592	-	-	152.047.560.592
Chi phí phải trả	183.114.657	-	-	183.114.657
	<b>240.030.675.249</b>	<b>394.078.557.508</b>	<b>-</b>	<b>634.109.232.757</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>31.798.322.542</b>	<b>29.702.066.357</b>
- Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Thuộc Tập đoàn CN	508.700.000	842.113.636
- Công ty môi trường mỏ - Thuộc Tập đoàn CN	480.572.727	143.545.454
Vinacomin Than - KS Việt Nam		
- Công ty Nhiệt điện Na Dương - Thuộc Tập đoàn CN		17.154.545
Vinacomin Than - KS Việt Nam		
- Chi nhánh Cty Than Núi Hồng - Thuộc Tổng Công ty VVMI	959.090	13.254.545
- Công ty TNHH 1 TV Than Na Dương - VVMI	18.490.909	122.100.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI	105.720.000	1.714.090.909
- Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI	19.151.183.636	11.315.660.181
- Công ty CP sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	963.282.729	1.308.030.000
- Công ty Cổ phần Vật liệu XD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	4.597.073.453	4.613.892.363
- Trung tâm XNK và Hợp tác đầu tư - VVMI	5.661.254.545	4.397.481.818
- Công ty XD mỏ Hàm Lò 2 - Vinacomin Than - KS Việt Nam	-	155.290.907

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC**

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI

Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

- Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVNI	Thuộc Tổng Công ty VVMI	24.886.363	16.363.636
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Quang - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI	274.540.000	3.840.488.363
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI	-	1.202.600.000
- Trường Cao đẳng nghề Việt Bắc - Vinacomin	Thuộc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	11.659.090	

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
<b>Phải thu</b>		<b>5.373.583.552</b>	<b>761.042.914</b>
- Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Thuộc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	24.320.000	18.240.000
- Công ty TNHH 1TV môi trường - Vinacomin	Thuộc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	24.414.545	102.960.000
- Công ty TNHH 1 TV Than Khánh Hòa - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI	726.000.000	-
- Trung tâm XNK và Hợp tác đầu tư - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI	775.074.207	578.728.837
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI	-	61.114.077
- Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI	3.823.774.800	
<b>Phải trả</b>		<b>160.030.043.345</b>	<b>129.490.849.315</b>
- Tổng Công ty CN Mỏ Việt Bắc - Vinacomin	Công ty mẹ	538.391.586	2.132.271.949
- Công ty Kho vận và Cảng Cẩm phá - Vinacomin	Thuộc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	149.682.518.716	111.041.444.003
- Công ty Cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI	532.443.861	1.183.730.190
- Công ty Cổ phần Vật liệu XD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI	695.168.800	1.745.733.200
- Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI		2.221.794.000
- Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI		225.848.200
- Công ty CP sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Thuộc Tổng Công ty VVMI	8.423.033.034	10.752.188.535
- Công ty Vật tư vận tải xếp dỡ - Vinacomin	Thuộc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	158.487.348	187.839.238
<b>Vay ngắn hạn</b>		<b>44.000.000.000</b>	<b>37.000.000.000</b>
- Tổng Công ty CN Mỏ Việt Bắc - Vinacomin	Công ty mẹ	17.000.000.000	17.000.000.000
- Công ty TNHH 1TV Tài chính Than Khoáng sản Việt Nam	Thuộc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	27.000.000.000	20.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>		<b>71.039.020.312</b>	<b>78.809.308.421</b>
- Tổng Công ty CN Mỏ Việt Bắc - Vinacomin	Công ty mẹ	55.183.312.312	55.991.215.421
- Công ty TNHH 1TV Tài chính Than Khoáng sản Việt Nam	Thuộc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	15.855.708.000	22.818.093.000

32 . SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán PKF kiểm toán.

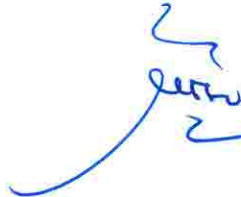
Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Anh Tuấn

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hiền

Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

OC  
C TY  
M HƯ  
M T C  
SC  
TP

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	319.225.623.215	571.246.188.284	41.874.292.423	319.090.909	-	932.665.194.831
Số tăng trong năm	1.231.439.968	-	-	-	-	1.231.439.968
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.231.439.968	-	-	-	-	1.231.439.968
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	(100.919.924)	(1.128.226.285)	(3.700.758.208)	-	-	(4.929.904.417)
- Chuyển thành CCDC	(100.919.924)	(477.078.549)	(25.191.234)	-	-	(603.189.707)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(651.147.736)	(3.675.566.974)	-	-	(4.326.714.710)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>320.356.143.259</b>	<b>570.117.961.999</b>	<b>38.173.534.215</b>	<b>319.090.909</b>	-	<b>928.966.730.382</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	107.881.955.373	182.004.868.026	31.390.567.324	21.981.818	-	321.299.372.541
Số tăng trong năm	14.515.390.984	33.933.409.063	2.135.473.817	63.818.182	-	50.648.092.046
- Khấu hao trong năm	14.515.390.984	33.933.409.063	2.135.473.817	63.818.182	-	50.648.092.046
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	(100.919.924)	(1.012.082.824)	(3.700.758.208)	-	-	(4.813.760.956)
- Chuyển thành CCDC	(100.919.924)	(360.935.088)	(25.191.234)	-	-	(487.046.246)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(651.147.736)	(3.675.566.974)	-	-	(4.326.714.710)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>122.296.426.433</b>	<b>214.926.194.265</b>	<b>29.825.282.933</b>	<b>85.800.000</b>	-	<b>367.133.703.631</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	211.343.667.842	389.241.320.258	10.483.725.099	297.109.091	-	611.365.822.290
Tại ngày cuối năm	198.059.716.826	355.191.767.734	8.348.251.282	233.290.909	-	561.833.026.751

-- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

518.518.360.744 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:

68.414.634.486 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

1.296.670.000 đồng

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VVMI**

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI

Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**Phụ lục 2 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	464.476.156	(11.284.774.911)	3.963.346.758	3.146.199.336	14.184.593	96.303.431.932
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	(9.962.957.511)	(9.962.957.511)
Tăng khác	-	-	11.503.256.682	-	-	-	11.503.256.682
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(218.481.771)	-	-	-	(218.481.771)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>-</b>	<b>3.963.346.758</b>	<b>3.146.199.336</b>	<b>(9.948.772.918)</b>	<b>97.625.249.332</b>
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	464.476.156	-	3.963.346.758	3.146.199.336	(9.948.772.918)	97.625.249.332
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-	1.552.933.863	1.552.933.863
Tăng khác	-	-	2.422.762.048	-	-	-	2.422.762.048
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(2.422.762.048)	-	-	-	(2.422.762.048)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>-</b>	<b>3.963.346.758</b>	<b>3.146.199.336</b>	<b>(8.395.839.055)</b>	<b>99.178.183.195</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hien – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA CÔNG TY**



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Văn Dũng*